

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h15

Ngày thi: 17/08/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0167	SV7947894	Nguyễn Thị	Phấn	30/6/2000		
2	TA0168	SV7947895	Lê Hồng	Phong	11/3/2000		
3	TA0169	SV7947896	Trần Nam	Phong	21/6/1999		
4	TA0170	SV7947897	Hà Văn	Phú	28/12/2000		
5	TA0171	SV7947898	Nguyễn Đức	Phú	19/8/1999		
6	TA0172	SV7947899	Nguyen Anh	Phuc	28/1/2001		
7	TA0173	SV7947900	Lê Minh	Phúc	13/2/2000		
8	TA0174	SV7947901	Nguyễn Duy	Phuong	27/10/1999		
9	TA0175	SV7947902	Nguyễn Hoàng	Phuong	20/3/1999		
10	TA0176	SV7947903	Nguyễn Thị Mai	Phuong	16/05/1999		
11	TA0177	SV7947904	Vũ Thị Bích	Phuong	10/11/1999		
12	TA0178	SV7947905	Hoàng Phan Bích	Phượng	3/10/2000		
13	TA0179	SV7947906	Nguyễn Thị Bích	Phượng	26/7/2000		
14	TA0180	SV7947907	Lê Huy	Quân	05/10/1998		
15	TA0181	SV7947908	Lường Tú	Quân	22/3/1997		
16	TA0182	SV7947909	Hồ Minh	Quang	18/6/1999		
17	TA0183	SV7947910	Nguyễn Hồng	Quang	22/11/2000		
18	TA0184	SV7947911	Phạm Vinh	Quang	8/7/1999		
19	TA0185	SV7947912	Nguyễn Doãn	Quý	22/10/2000		
20	TA0186	SV7947913	Vũ Văn	Quý	10/9/1998		
21	TA0187	SV7947914	Nguyễn Bảo	Sơn	23/1/2000		

22	TA0188	SV7947915	Nguyễn Hữu	Son	13/8/2000		
23	TA0189	SV7947916	Phạm Đăng Thái	Son	24/12/1999		
24	TA0190	SV7947917	Trần Đức	Son	26/10/1999		
25	TA0191	SV7947918	Trần Thế	Son	18/11/1999		
26	TA0192	SV7947919	Nguyễn Công	Tài	7/10/1999		
27	TA0193	SV7947920	Lê Trọng	Thắng	5/4/2000		
28	TA0194	SV7947921	Nguyễn Đức	Thắng	29/1/2000		
29	TA0195	SV7947922	Nguyễn Tiến	Thắng	11/11/2000		
30	TA0196	SV7947923	Phạm Đức	Thanh	10/1/2000		
31	TA0197	SV7947924	Phạm Thanh	Thanh	22/8/1999		
32	TA0198	SV7947925	Hoàng Trung	Thành	15/2/2000		
33	TA0199	SV7947926	Lê Công	Thành	10/11/2000		
34	TA0200	SV7947927	Hoàng Phương	Thảo	21/12/1999		
35	TA0201	SV7947928	Nguyễn Phương	Thảo	18/4/2000		
36	TA0202	SV7947929	Nguyễn Phương	Thảo	20/7/2000		
37	TA0203	SV7947930	Nguyễn Quang	Thế	23/6/1999		
38	TA0204	SV7947931	Vũ Nhật	Thiên	31/3/2000		
39	TA0205	SV7947932	Kiều Văn	Thiện	11/5/1999		
40	TA0206	SV7947933	Nguyễn Thị	Thìn	9/9/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)